CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (UPCOM: XDH)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	17,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.1%	**-7.4%**	**-28.0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,874 - 32,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
Số lượng CPLH (CP)	27,026,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,857
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.88)
EPS	872
P/E	20.1

Tỷ suất lợi nhuận

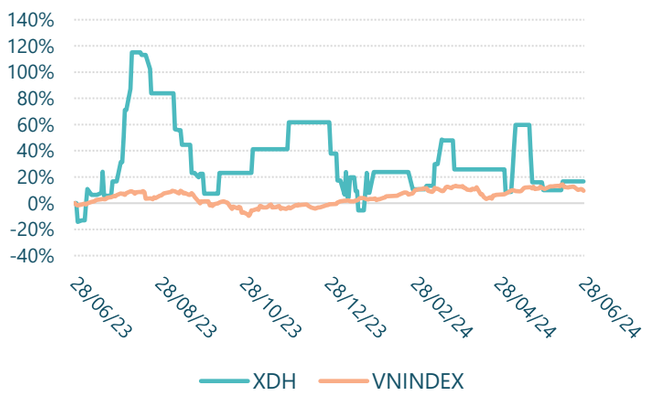

Doanh thu thuần

Q2/24

37.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.50 | -16.8%

YoY: ▼16.1 | -30.3%

Nợ/VCSH

Q2/24

59.7%

YoY: +/-▲ 7.8%

LN gộp

Q2/24

8.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.69 | 25.5%

YoY: ▲ 2.09 | 33.5%

ROE (TTM)

Q2/24

4.5%

YoY: +/-▲ 0.2%

LN trước thuế

Q2/24

4.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.95 | 23.6%

YoY: ▼1.04 | -17.2%

ROA (TTM)

Q2/24

2.8%

YoY: +/-▼ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24

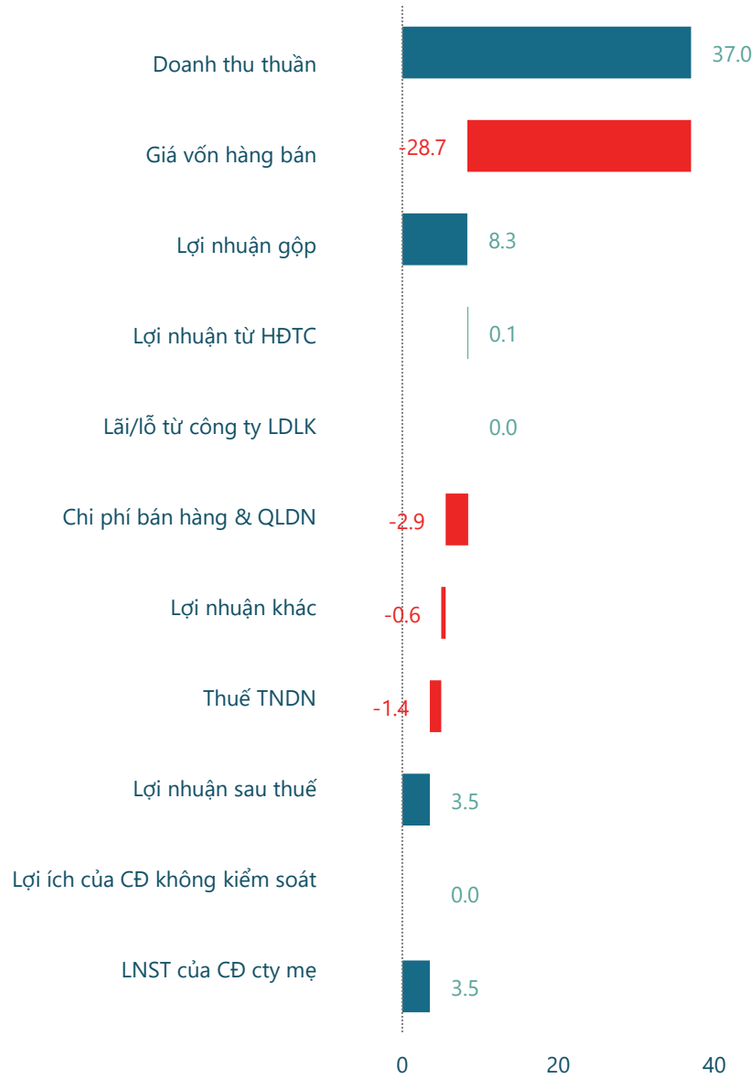

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (UPCOM: XDH)

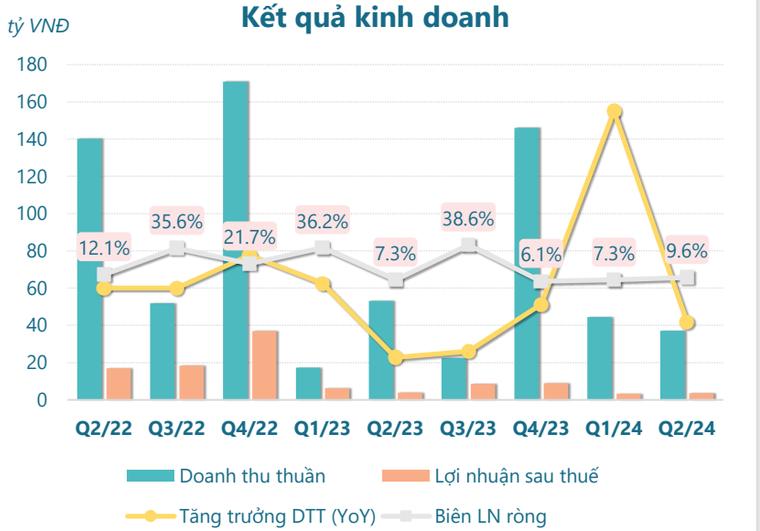

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 5.55 tỷ đồng**, tăng thêm 25.9% so với kỳ trước và cao hơn 114% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.09 tỷ đồng**, giảm đi 91.0% so với kỳ trước và thấp hơn 97.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.56 tỷ đồng** giảm đi 0.19 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 116% so với cùng kỳ năm trước.

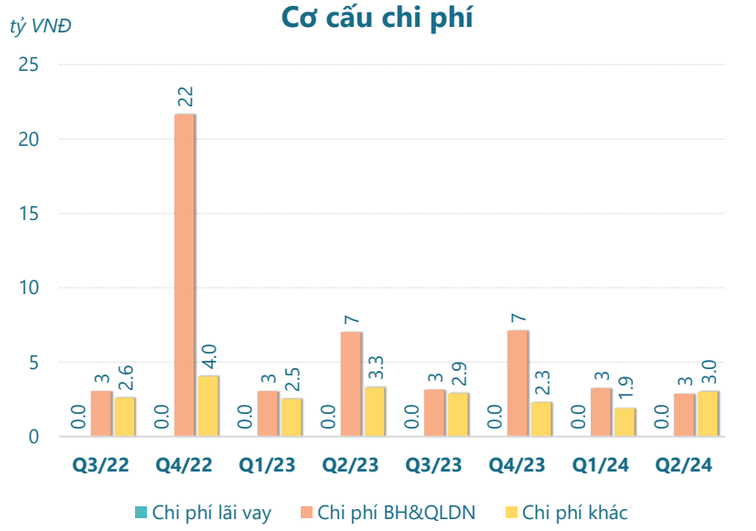

Kết quả kinh doanh của **XDH** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **37.01 tỷ đồng** giảm đi **30.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.55 tỷ đồng**, **giảm sút 8.27%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **81.00 tỷ đồng** cao hơn 15.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 7.00 tỷ đồng** thấp hơn 30.0% so với cùng kỳ năm trước.

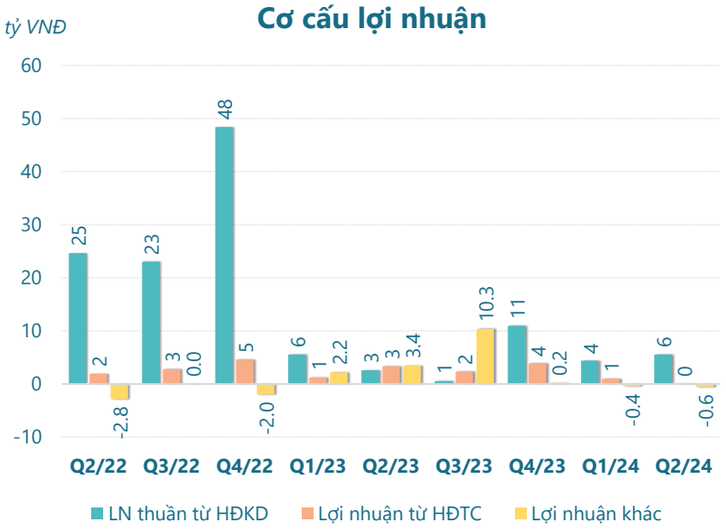

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **2.88 tỷ đồng** giảm đi 11.4% so với kỳ trước và thấp hơn 59.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **3.01 tỷ đồng** tăng thêm 58.4% so với kỳ trước và thấp hơn 8.79% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (UPCOM: XDH)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.0**	**44.5**	**-16.8%**	**53.1**	**-30.3%**	**81.5**	**70.4**	**15.8%**
Giá vốn hàng bán	28.7	37.8	-24.2%	46.9	-38.9%	66.5	56.7	17.3%
Lợi nhuận gộp	8.34	6.65	25.5%	6.25	33.5%	15.0	13.7	9.6%
Doanh thu HĐTC	0.09	1.00	-91.1%	3.36	-97.3%	1.09	4.56	-76.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.88**	**3.25**	**-11.3%**	**7.02**	**-58.9%**	**6.13**	**10.1**	**-39.2%**
LN thuần từ HĐKD	5.55	4.41	25.8%	2.59	114%	9.96	8.17	21.9%
Lợi nhuận khác	**-0.56**	**-0.37**	**-50.5%**	**3.44**	**-116%**	**-0.93**	**5.66**	**-116%**
LN trước thuế	4.99	4.04	23.6%	6.03	-17.2%	9.03	13.8	-34.7%
Lợi nhuận sau thuế	**3.55**	**3.23**	**9.9%**	**3.87**	**-8.3%**	**6.78**	**10.1**	**-33.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.55**	**3.23**	**9.9%**	**3.87**	**-8.3%**	**6.78**	**10.1**	**-33.0%**

